ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN THỤY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 78 /KH-UBND	*Kiến Thụy, ngày 29 tháng 9 năm 2025*

KẾ HOẠCH

Về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Kiến Thụy

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Thực hiện các kế hoạch của Thành uỷ[1], Ủy ban nhân dân thành phố[2], Đảng uỷ xã Kiến Thụy[3], Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW) và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết số 71/NQ-CP).

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và Thường trực Đảng ủy xã để tổ chức thực hiện tại địa bàn xã Kiến Thụy, bảo đảm hiệu quả, khả thi và phù hợp với năng lực, nguồn lực địa phương.

---

[1] Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

[2] Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

[3] Kế hoạch hành động số 31-KH/ĐU ngày 26/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

2. Yêu cầu

- Cần sự chung tay vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị của xã, các cơ quan chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã; các thôn, tổ dân phố, doanh nghiệp và người dân liên quan tới cung cấp dịch vụ công, quản lý đất đai, hạ tầng, nông nghiệp, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh.

- Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ từ xã đến cơ sở thôn. Các Phòng, ban, ngành, đơn vị của xã triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể: rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền; xác định rõ nguồn lực thực hiện (ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất)

- Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các nhiệm vụ mang tính đột phá, nhân rộng mô hình hiệu quả; huy động tốt nguồn lực xã hội hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị của xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch hành động số 12-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy, Kế hoạch số 238/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố, Kế hoạch hành động số 31-KH/ĐU của Ban Thường vụ Đảng ủy xã.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn lên môi trường số, dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao năng lực quản lý, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; thúc đẩy chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Các chỉ tiêu đánh giá theo giai đoạn 5 năm nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ủy ban nhân dân xã xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo 5 giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về:

(1) Phát triển hạ tầng;

(2) Phát triển nguồn lực;

(3) Phát triển khoa học và công nghệ;

(4) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo;

(5) Phát triển chuyển đổi số

(Cụ thể tại Phụ lục 01. Các chỉ tiêu theo dõi đánh giá theo giai đoạn 05 năm)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo của xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp; quy hoạch cán bộ, công chức có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào vị trí lãnh đạo.

1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm, lộ trình cụ thể cho các Phòng, ban, ngành, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

1.3. Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, gắn với thực tiễn của địa phương.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến

đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thông tin, tuyên truyền.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội…).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ trách nhiệm; xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá với các mục tiêu, cụ thể cho từng giai đoạn 5; xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất…).

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Huy động hệ thống truyền thanh, Cổng thông tin điện tử, facebook, zalo… để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số một cách đa dạng, phù hợp.

- Triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số", phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của xã.

3.2. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin; ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa.

3.3. Xây dựng quy hoạch và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của xã giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch Thành phố có tầm nhìn tới 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

3.4. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp; rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền cắt giảm các thủ tục không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

3.5. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

- Từ năm 2025, phấn đấu đạt thứ hạng cao trong số các xã, phường, đặc khu trong toàn thành phố về chỉ số chuyển đổi số.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng.

- Lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của xã.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số, đặc biệt là các lĩnh vực thiết yếu của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, chính quyền xã lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu đồng bộ, liên thông.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải

pháp công nghệ (IoT[4], AI[5], GIS[6],…) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá tạo nền tảng để phát triển du lịch, dịch vụ thành ngành kinh tế quan trọng của xã.

5. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

5.1. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; đề xuất, đặt hàng các cơ quan có thẩm quyền chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp...

5.2. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số, …) cho lãnh đạo, cán bộ, công chức các cơ quan; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, du học, thực tập, …

6. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số

6.1. Chiến lược từng giai đoạn thực hiện Chương trình chuyển đổi và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Ưu tiên sử dụng các ứng dụng, nền tảng số đã được Trung ương đầu tư,

---

[4] IoT là viết tắt của Internet of Things (Internet vạn vật), là một mạng lưới các thiết bị được kết nối Internet, có khả năng thu thập, xử lý và trao đổi dữ liệu mà không cần sự can thiệp trực tiếp của con người

[5] AI (Artificial Intelligence) là Trí tuệ nhân tạo, một lĩnh vực của khoa học máy tính tập trung vào việc tạo ra các hệ thống có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ như con người, bao gồm học hỏi, suy luận, giải quyết vấn đề và giao tiếp

[6] GIS (Hệ thống Thông tin Địa lý) là một hệ thống máy tính bao gồm phần mềm, phần cứng và dữ liệu để thu thập, lưu trữ, quản lý, phân tích và hiển thị dữ liệu có liên quan đến vị trí trên bề mặt Trái Đất. Mục tiêu của GIS là giúp người dùng hiểu rõ hơn về thế giới thông qua việc phân tích các mô hình và mối quan hệ không gian, hỗ trợ ra quyết định, tối ưu hóa quản lý tài nguyên và quy hoạch

bảo đảm đồng bộ, tiết kiệm nguồn lực; đồng thời khai thác hiệu quả hạ tầng dùng chung, tránh phát sinh trùng lặp trong xây dựng và triển khai các hệ thống số.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số với các đơn vị lân cận, Thành phố, Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

- Triển khai hiệu quả Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 19/11/2024 của Ban Bí thư góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành của cấp uỷ đảng và hoạt động của các cơ quan đảng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

6.2. Chiến lược từng giai triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp…) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu; Cơ sở dữ liệu yêu cầu "đúng, đủ, sạch, sống" là điều kiện nền tảng để xây dựng chính quyền số, đảm bảo quản lý minh bạch và phát triển hiệu quả.

- Sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công Quốc gia trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp đảm bảo công khai, minh bạch, nhanh chóng, kịp thời; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số.

- Phát triển thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn xã, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

7.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7.2. Tăng cường an ninh mạng

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

- Định kỳ kiểm tra, rà soát, phòng tránh sự cố bảo mật.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố an toàn, an ninh mạng.

7.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan chuyên trách của Thành phố, Trung ương; có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm đang được triển khai để bảo đảm an ninh, an toàn.

8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

8.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các xã, phường, đặc khu lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung, ...)

- Tham gia các hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ cấp vùng; các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

8.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích hợp tác, kết nối với các tổ chức, quỹ đầu tư và doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức để học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư với trọng tâm là khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

9. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã[7]

- Lãnh đạo, điều hành thống nhất việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các chiến lược, đôn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã: Kịp thời đề xuất, tham mưu về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm hoặc đột xuất tại các Phòng, ban, đơn vị; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ và Thành phố khi có yêu cầu.

2. Các Phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân xã

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả của các "Tổ công nghệ số cộng đồng thôn", "Tổ ứng cứu công nghệ" để thực hiện "cầm tay chỉ việc", hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân tại cơ sở.

- Đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

---

[7] Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thành lập theo Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiến Thuy

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

(Gửi kèm theo Phụ lục 2. Phân công nhiệm vụ)

3. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng uỷ.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, ... và các đối tượng có liên quan.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN LỰC HỖ TRỢ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, …) và nguồn xã hội hóa hợp pháp khác.

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực./.

***Nơi nhận*:**
- TT Đảng ủy - HĐND xã (báo cáo);
- CT, PCT Nguyễn Thị Hồng Vân;
- Các Phòng ban chuyên môn, đơn vị liên quan;
- Công an xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu văn Thụy

PHỤ LỤC 1: CÁC CHỈ TIÊU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 05 NĂM

(Kèm theo Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
I	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**									
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trong khu trung tâm trên địa bàn xã.	>60%	100%	100%	100%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps.	>60%	100%	100%	100%	100%				Số liệu báo cáo
3	Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn xã.	-	-	50%	80%	100%				Số liệu báo cáo
II	**PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC**									
1	Tỉ lệ ngân sách chi cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách xã.	ít nhất 3%	ít nhất 3%	đạt 3%	đạt trên 3%	đạt trên 3,5%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng Kinh tế	Phòng Kinh tế	Số liệu báo cáo

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%	100%	100%	100%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	100%	100%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng: VH-XH, Kinh tế	Phòng VH-XH; Kinh tế	Số liệu báo cáo
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...).	-	-	-	80-90%	> 90%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
6	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.	> 70%	> 90%	> 95%	100%	-	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
7	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.	> 90%	100%	-	-	-	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
8	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	> 80%	-	-	-	-	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	-	-	-	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
10	Tỷ lệ Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, ĐMST vào các môn học và hoạt động giáo dục.	-	> 95%		100%	-	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
11	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	-	100%	-	-	-	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
III	**PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ**									
12	Chỉ số Chuyển đổi số xã	> 0,77	> 0,8	> 0,85	> 0,92	đạt 1,0	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Số liệu báo cáo
13	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	> 70%	100%	100%	100%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng, đơn vị: VH-XH, Kinh tế, PGĐ TTPVHCC	Phòng VH-XH, Kinh tế, TTPVHCC	Số liệu báo cáo
14	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH, PGĐ TTPVHCC	Phòng VH-XH, TTPVHCC	Số liệu báo cáo

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
15	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc".	> 70%	100%	100%	100%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH, Kinh tế, PGĐ TTPVHCC	Phòng VH-XH, Kinh tế, TTPVHCC	Số liệu báo cáo
16	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	> 80%	100%	100%	100%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH, Kinh tế, PGĐ TTPVHCC	Phòng VH-XH, Kinh tế, TTPVHCC	Số liệu báo cáo
17	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	>60%	>90%	>95%	100%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH, Kinh tế, PGĐ TTPVHCC	Phòng VH-XH, Kinh tế, TTPVHCC	Số liệu báo cáo
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	> 70%	> 75%	> 85%	>95%	100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng phòng VH-XH, Kinh tế, PGĐ TTPVHCC	Phòng VH-XH, Kinh tế, TTPVHCC	Số liệu báo cáo

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
19	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	> 10%	20%	30%	40%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng Công an xã	Công an xã	Số liệu báo cáo
20	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	> 70%	85%	> 90%	>95%	~100%	Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, PCT UBND xã	Đ/c Trưởng Công an xã	Các cơ quan, đơn vị; Công an xã	Số liệu báo cáo

PHỤ LỤC 2: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy)

TT	Tên nhiệm vụ	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Cá nhân/tổ chức được phân công chủ trì đánh giá	Sản phẩm đầu ra	Tiến độ
1	Kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo	Đ/c Chủ tịch UBND xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quyết định	Thường xuyên
2	Xây dựng Kế hoạch cụ thể của các Phòng, ban, đơn vị phù hợp với đặc thù của địa phương, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung.	Đồng chí PCT UBND xã phụ trách Văn xã	Các Phòng ban chuyên môn, thôn, đơn vị có liên	Kế hoạch	Tháng 10/2025
3	Bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy.	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế	Phòng Kinh tế	Kế hoạch	Hằng năm
4	Tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đồng chí Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa - Xã hội	Kế hoạch	Hằng năm
5	Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.	Đồng chí Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch	Thường xuyên
6	Giám sát và phản biện xã hội hằng năm đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định	Đồng chí Chủ tịch UBMTTQ xã	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Kế hoạch	Hằng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Cá nhân/tổ chức được phân công chủ trì đánh giá	Sản phẩm đầu ra	Tiến độ
7	Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số	Đồng chí Trưởng Công an xã	Công an xã	Kế hoạch	Hằng năm
8	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế	Đồng chí Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch	Hằng năm
9	Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số	Đồng chí Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch	Năm 2027
10	Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số	Đồng chí Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch	Năm 2027
11	Xây dựng các báo cáo cấp trên	Đồng chí Trưởng phòng VH-XH	Phòng Văn hóa – Xã hội	Báo cáo	Theo yêu cầu